

ĐẶC TRƯNG TRUYỀN THUYẾT VỀ CÁC DANH NHÂN VĂN HÓA VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

• TS. Đỗ Thị Hồng Hạnh^(*)

Tóm tắt

Nội dung bài viết nêu lên những đặc điểm mang tính đặc trưng của cốt truyện và việc tổ chức các yếu tố tự sự của truyền thuyết về các danh nhân văn hóa vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Việc xác định những đặc điểm mang tính đặc trưng của truyền thuyết về các danh nhân văn hóa vùng Đồng bằng sông Cửu Long được thực hiện bằng việc so sánh với các truyền thuyết cùng tiểu loại ở vùng Đồng bằng sông Hồng.

Từ khóa: truyền thuyết, danh nhân văn hóa, Đồng bằng sông Cửu Long.

1. Mở đầu

Việc tìm hiểu đặc trưng của thể loại truyền thuyết đã được nhiều nhà nghiên cứu bàn đến và đã có nhiều ý kiến thống nhất về đặc trưng nội dung, đặc trưng nghệ thuật của thể loại này. Tuy nhiên, việc nghiên cứu về đặc trưng của thể loại truyền thuyết dân gian ở các vùng miền khác nhau của Việt Nam vẫn là một vấn đề còn bỏ ngỏ, chưa có nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu. Vấn đề nghiên cứu về đặc trưng của thể loại truyền thuyết dân gian ở các vùng miền khác nhau của Việt Nam là cần thiết, bởi vì đây là một việc làm có ý nghĩa nhằm góp phần nhận thức rõ những đặc điểm mang tính địa phương trong sự thống nhất chung của thể loại. Thực tế đã cho thấy những đặc điểm của các thể loại văn học dân gian ở mỗi vùng miền (trong đó có truyền thuyết) thường bị chi phối bởi các yếu tố về lịch sử, văn hóa, xã hội của một “vùng văn hóa” cụ thể.

So với nhiều vùng văn hóa của Việt Nam, tiểu vùng văn hóa Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) thuộc vùng văn hóa Gia Định - Nam Bộ có những sắc thái văn hóa tiêu biểu mang tính đặc trưng. Mặc dù ĐBSCL được các nhà nghiên cứu về văn hóa, lịch sử xem là vùng đất mới - được hình thành trong khoảng gần 400 năm trở lại đây - nhưng nơi đây đã chứa đựng cả một kho tàng truyền thuyết dân gian phong phú với sự hiện diện của nhiều biến thể khác nhau, vừa đậm đà bản sắc dân tộc, vừa mang đậm sắc thái địa phương. Tuy nhiên, việc nghiên cứu về hệ thống tác phẩm truyền thuyết dân gian vùng ĐBSCL có những

đặc điểm gì đáng chú ý so với các tác phẩm truyền thuyết ở các vùng miền khác trong cả nước?... dù đã được các nhà nghiên cứu folklore quan tâm nhưng vẫn còn những nội dung cần phải bổ sung.

Năm 2000, trong luận án Tiến sĩ “*Đặc trưng thể loại truyền thuyết và quá trình văn bản hóa truyền thuyết dân gian Việt Nam*”, tác giả Trần Thị An đã xem xét, nghiên cứu truyền thuyết với tư cách là một thể loại văn học dân gian trong sự đối sánh với các thể loại tự sự dân gian khác. Từ đó, tác giả xác định những đặc trưng của thể loại truyền thuyết ở hai phương diện nội dung và nghệ thuật. Những vấn đề lý luận về đặc trưng thể loại truyền thuyết được trình bày trong luận án của tác giả Trần Thị An là những tiền đề quan trọng giúp chúng tôi thực hiện việc khảo sát, phân tích, đánh giá về đặc trưng truyền thuyết về các danh nhân văn hóa ở một vùng miền cụ thể.

Việc xác định đặc trưng *truyền thuyết về các danh nhân văn hóa* (gọi tắt là truyền thuyết TL2C) được dựa trên việc khảo sát, phân tích đặc điểm cấu tạo cốt truyện và việc tổ chức các yếu tố tự sự của truyền thuyết TL2C.

2. Khái niệm cốt truyện và các yếu tố tự sự của thể loại truyền thuyết

Khái niệm *Cốt truyện* trong cuốn *Oxford Advanced Learners Dictionary* đã được tác giả A.S. Hornby định nghĩa như sau: “The series of events that form the story of a novel, play, film” (Dịch ra tiếng Việt: Cốt truyện là một loạt những sự kiện góp phần hình thành câu chuyện của một tiểu thuyết hoặc một bộ phim) [8, tr. 1163].

Ở Việt Nam, khái niệm *Cốt truyện* đã được *Từ điển Tiếng Việt* định nghĩa: “Cốt truyện là hệ

^(*) Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Đồng Tháp.

thống sự kiện làm nòng cốt cho sự diễn biến các mối quan hệ và sự phát triển của tính cách nhân vật trong tác phẩm văn học loại tự sự” [10, tr. 233]. Khái niệm *Cốt truyện* và vai trò của cốt truyện trong tác phẩm tự sự đã được minh định một cách cụ thể hơn trong một số công trình nghiên cứu của các nhà lí luận văn học. Trong *150 thuật ngữ Văn học*, các tác giả viết: “Cốt truyện là hệ thống sự kiện cụ thể được tổ chức theo yêu cầu tư tưởng và nghệ thuật nhất định tạo thành bộ phận cơ bản, quan trọng nhất của tác phẩm văn học thuộc loại tự sự” [6, tr. 70]. Ở đây, các tác giả Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi đã xem cốt truyện là “bộ phận cơ bản, quan trọng nhất” của một tác phẩm tự sự. Họ đã đánh giá cao vai trò của cốt truyện trong tác phẩm văn học thuộc loại tự sự nói chung. Căn cứ vào khái niệm này thì việc nghiên cứu về cấu tạo cốt truyện của một thể loại văn học cụ thể cũng có nghĩa là nghiên cứu về đặc điểm nội dung tư tưởng và đặc điểm nghệ thuật của thể loại văn học ấy.

Từ những ý kiến nêu trên, chúng tôi nhận thấy việc nghiên cứu về cấu tạo cốt truyện của một tác phẩm tự sự có một ý nghĩa quan trọng. Bởi vì việc làm này sẽ góp phần làm sáng rõ những đặc điểm nội dung tư tưởng và đặc điểm nghệ thuật của thể loại truyền thuyết dân gian nói riêng, các tác phẩm tự sự nói chung.

Các yếu tố tự sự của thể loại truyền thuyết bao gồm: Hệ thống nhân vật, các motif, các chi tiết, các sự kiện lịch sử và lời kể trong tác phẩm truyền thuyết.

Nhân vật trong thể loại truyền thuyết thường là những con người có thật ở ngoài đời. Hệ thống nhân vật này phong phú, đa dạng: Các bậc tiền hiền, anh hùng chống giặc ngoại xâm, danh nhân văn hóa, các nhân vật tôn giáo v.v... Việc phân loại nhân vật phụ thuộc vào những tiêu chí khác nhau. Tuy nhiên, không phải bất cứ nhân vật lịch sử nào cũng trở thành nhân vật của truyền thuyết. Nhân vật của truyền thuyết phải là những nhân vật có những tác động, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân, được nhân dân quan tâm và lưu truyền.

Các motif, các chi tiết, sự kiện lịch sử là những yếu tố không thể thiếu của tác phẩm tự sự dân gian. Đặc biệt, motif được xem là yếu tố đặc

trung của truyện kể dân gian: “*Motif* chỉ một thành tố nhỏ của truyện, thường có thể tách rời được, có thể lắp ghép được, ít nhiều khác lạ, bất thường, đặc biệt, là yếu tố đặc trưng của truyện kể dân gian” [1, tr. 282].

Về vai trò, ý nghĩa của motif trong tác phẩm tự sự dân gian, tác giả Nguyễn Thị Nguyệt đã khẳng định: “Trong mối quan hệ với cốt truyện, motif vừa là một bộ phận quan trọng của cốt truyện - mang tính nội dung, nhưng lại là yếu tố tạo liên kết và được liên kết với nhau nên mang cả tính hình thức” [9, tr. 36-37] và “Motif là yếu tố ban đầu, yếu tố hạt nhân để tạo nên cốt truyện” [9, tr. 38].

Lời kể trong các tác phẩm truyền thuyết dân gian thường có đặc điểm “lối kể cô đọng, rất ít sự miêu tả, chủ yếu chỉ thuật lại hành động của nhân vật, có sử dụng một số thủ pháp nghệ thuật nhằm tô đậm tính xác thực của truyện” [5, tr. 30].

Mặt khác, xác định đặc trưng của thể loại truyền thuyết dân gian vùng ĐBSCL cũng cần phải nghiên cứu sự vận động, sự biến đổi của các yếu tố tự sự nói trên do những tác động của thời gian, của vùng miền văn hóa.

Trên cơ sở những lý luận về vấn đề cốt truyện và các yếu tố tự sự của thể loại truyền thuyết, chúng tôi nghiên cứu đặc trưng cấu tạo cốt truyện và việc tổ chức các yếu tố tự sự của truyền thuyết về các danh nhân văn hóa vùng ĐBSCL.

3. Đặc trưng cấu tạo cốt truyện và việc tổ chức các yếu tố tự sự của truyền thuyết về các danh nhân văn hóa vùng ĐBSCL

Trong kho tàng truyền thuyết người Việt, tiểu loại truyền thuyết về các danh nhân văn hóa là một tiểu loại chiếm số lượng không nhiều nếu đem so sánh với tiểu loại truyền thuyết anh hùng chống xâm lược. Tiểu loại này chiếm số lượng không nhiều nhưng không thể thiếu trong hệ thống truyền thuyết dân gian Việt Nam. Truyền thuyết về các danh nhân văn hóa ở vùng ĐBSCL là những câu chuyện dân gian kể về những con người có danh tiếng trong lĩnh vực văn hóa ở vùng đồng bằng miền Tây Nam Bộ này.

Khảo sát hệ thống tư liệu truyền thuyết dân gian về các danh nhân văn hóa vùng ĐBSCL, chúng tôi đã sưu tầm được 08 truyền thuyết dân gian.

Trong các truyền thuyết dân gian về các danh nhân văn hóa ở vùng ĐBSCL, tác giả dân gian chủ yếu tập trung kể về các nhân vật có công sáng tạo ra những giá trị vật chất và các giá trị tinh thần của các cư dân vùng đồng bằng như: Truyền thuyết về Bà Tư Có - người sáng lập ra làng chài lưới ở Vàm Láng, Gò Công (Tiền Giang); ông Hồ Trọng Đính và việc thành lập Văn Thánh Miếu (Đồng Tháp). Truyền thuyết về cụ Lưu Văn Lang và những điều tiên đoán thần tình và những đóng góp lớn của cụ về việc xây dựng và củng cố những cây cầu ở vùng sông rạch ĐBSCL...

Đa số các truyền thuyết TL2C (5/8 truyện) gồm có đầy đủ cả 3 lớp truyện. Khái niệm *lớp truyện* mà chúng tôi sử dụng trong bài này là một danh từ dùng để chỉ cho các phần của một câu chuyện truyền thuyết. Các phần này được cấu tạo theo kiểu phần này tiếp theo phần kia, theo thứ tự trước sau giữa các phần:

- *Lớp truyện thứ nhất*: Kể về nguồn gốc, lai lịch, đặc điểm của nhân vật.

- *Lớp truyện thứ hai*: Kể về sự nghiệp, hành trạng của nhân vật.

- *Lớp truyện thứ ba*: Kể về đoạn kết của nhân vật.

Những truyền thuyết nhân vật TL2C có đủ 3 lớp truyện như trên gồm có những truyện sau: *Truyền thuyết về Bà Tư Có*; *Truyện về Bà Từ Dũ*, *Truyện về nhạc sư Nguyễn Quang Đại*, *Truyền thuyết về ông Nguyễn Văn Thạnh*...

Ngoài ra, có 3/8 truyền thuyết về các danh nhân văn hóa chỉ có 01 hoặc 02 lớp truyện trong cốt truyện. Đó là những truyền thuyết *Nguyễn Đình Chiểu ở Cần Giuộc và Ba Tri*, *Truyện về Mai Văn Ngọc*, *Truyện về cụ Lưu Văn Lang và những điều tiên đoán thần tình*. Ở những truyền thuyết này, chúng tôi nhận thấy cốt truyện của mỗi truyền thuyết gồm có 1 hoặc 2 lớp truyện: *Lớp truyện thứ nhất* kể về nguồn gốc, đặc điểm nhân vật; *Lớp truyện thứ hai* kể về sự nghiệp, hành trạng, tài năng của nhân vật. Khảo sát các truyền thuyết này, chúng tôi nhận thấy trong cốt truyện không thấy tác giả dân gian kể về đoạn kết của nhân vật như trong các cốt truyện mang tính phổ biến của thể loại truyền thuyết nhân vật nói chung. Những truyền thuyết này mới chỉ tồn tại ở dạng những mẩu chuyện. Chẳng hạn như truyền

thuyết *Nguyễn Đình Chiểu ở Cần Giuộc và Ba Tri*, chúng tôi nhận thấy tác giả dân gian chỉ tập trung kể về sự nghiệp, hành trạng, tài năng của nhân vật Nguyễn Đình Chiểu. Đó là một nhân vật có tấm lòng yêu nước, yêu dân, giỏi thơ phú, vừa làm thầy giáo, vừa làm thầy thuốc ở Ba Tri (thuộc trấn Vĩnh Long xưa, nay thuộc tỉnh Bến Tre). Tuy nhiên, ở lớp truyện thứ nhất, không thấy tác giả dân gian kể về lai lịch, nguồn gốc, đặc điểm của nhân vật. Ở lớp truyện thứ ba không thấy kể về đoạn kết của nhân vật mà thay vào đó là việc kể lại sự kiện Nguyễn Đình Chiểu làm lễ tế vong hồn những người dân chết trận tại chợ Ba Tri và sự kiện Misen Pôngsông - kẻ đại diện cho chính quyền Pháp - bị Nguyễn Đình Chiểu cho hấn một vết đau.

Như vậy, tiểu loại truyền thuyết về các danh nhân văn hóa vùng ĐBSCL tồn tại hai dạng cốt truyện: Dạng cốt truyện gồm 3 lớp truyện hoàn chỉnh và dạng cốt truyện chỉ có 1 hoặc 2 lớp truyện như vừa nêu và phân tích ở trên.

Ở đây xuất hiện vấn đề mang tính lý luận về thể loại truyền thuyết dân gian đó là truyền thuyết dân gian Việt Nam nói chung, truyền thuyết dân gian vùng ĐBSCL nói riêng có hai dạng tồn tại song song: Dạng thứ nhất tồn tại với một cốt truyện hoàn chỉnh (bao gồm 3 lớp truyện); Dạng thứ hai tồn tại ở dạng mẩu chuyện (chỉ bao gồm 1 hoặc 2 lớp truyện).

Đặc điểm cấu tạo cốt truyện của truyền thuyết về danh nhân văn hóa ở vùng ĐBSCL có nhiều điểm tương đồng với một số truyền thuyết mới được sưu tầm ở vùng Lam Sơn, Liễu Đồi. Chẳng hạn như, truyền thuyết *Nguyễn Trãi đi tìm minh chủ*. Truyền thuyết này cũng có cấu tạo bao gồm 02 lớp truyện.

Vấn đề truyền thuyết dân gian Việt Nam hiện vẫn còn đang tồn tại cả hai dạng cấu tạo cốt truyện như vừa nêu trên có thể được lý giải như sau: “Trong quá trình hình thành, truyền thuyết cũng như các thể loại tự sự dân gian khác, trước hết chỉ là những tình tiết, sự kiện. Trong quá trình lưu truyền, truyền thuyết được dần dần hoàn chỉnh trong không gian và trong thời gian. Chúng được hoàn chỉnh bằng hai con đường: Thứ nhất là việc xâu chuỗi nhiều mẩu chuyện trong dân gian thành một câu chuyện. Thứ hai là việc lược

lặt nhiều mẫu chuyện để tổ chức thành cốt truyện được tiến hành trong khi văn bản hóa với dấu ấn rõ rệt của người ghi chép” [2, tr. 59].

Hiện tượng một số truyền thuyết danh nhân văn hóa vùng ĐBSCL tồn tại ở dạng những mẫu chuyện như vừa nêu trên có thể được xem là nét tương đồng về mặt cấu tạo cốt truyện so với một số truyền thuyết danh nhân văn hóa ở một số vùng miền khác trên cả nước (như Thanh Hoá chẳng hạn).

Tuy nhiên, so với một số truyền thuyết danh nhân văn hóa ở một số tỉnh ở phía Bắc thì cấu tạo cốt truyện của truyền thuyết danh nhân văn hóa ở vùng ĐBSCL vẫn có những đặc điểm riêng. Cụ thể, trước hết phải kể đến yếu tố thần kỳ, yếu tố này rất hiếm gặp trong cốt truyện của truyền thuyết danh nhân văn hóa vùng ĐBSCL nói riêng và cả hệ thống truyền thuyết dân gian vùng ĐBSCL nói chung. Xét ở cả 3 lớp truyện trong một cốt truyện hoàn chỉnh, chúng tôi nhận thấy truyền thuyết nhân vật TL2C chỉ có 1/8 truyền thuyết có yếu tố thần kỳ xuất hiện trong các lớp truyện (*Truyện thuyết về Bà Tư Có*), còn lại là 7/8 truyện đều không có yếu tố thần kỳ xuất hiện trong các lớp truyện.

Chẳng hạn như xét ở **lớp truyện thứ nhất** (kể về nguồn gốc, đặc điểm nhân vật), truyền thuyết *Nhạc sư Nguyễn Quang Đại* (Long An) kể lại: “Ông vốn là người được triều đình nhà Nguyễn giao nhiệm vụ phụ trách việc ca hát của triều đình. Khi bị triều đình bắt ông và mọi người phục vụ ca hát cho thực dân Pháp ông đã bất mãn và bỏ kinh thành Huế để vào Nam sinh sống và đã lưu lạc đến làng Tân Lân, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An” hay *Truyện thuyết về cụ Lưu Văn Lang và những điều tiên đoán thần tình* kể “Ông Lưu Văn Lang vốn là một trí thức nổi tiếng ở miền Nam Việt Nam, mọi người gọi ông là vị Bác Vật đầu tiên của Việt Nam (Danh từ Bác Vật là cách gọi của nhân dân dành cho các kỹ sư từ Pháp về). Ông thông minh vốn sẵn tính trời, hiếu thảo và chăm chỉ”.

Trong khi đó, khảo sát một số truyền thuyết về danh nhân văn hóa ở một số tỉnh ở vùng Bắc Bộ chúng tôi nhận thấy ngay ở lớp truyện thứ nhất, trong phần kể về nguồn gốc, lai lịch, đặc điểm của nhân vật đã có yếu tố thần kỳ xuất hiện

khá đậm nét. Chẳng hạn như truyền thuyết về *Mạc Đĩnh Chi*, tác giả dân gian kể về sự ra đời của Mạc Đĩnh Chi như sau: “Tục truyền làng Lũng Đồng, huyện Chí Linh (Hải Dương) có một khu rừng rậm, cây cối lùm tùm lắm giống hầu (con khỉ) ở. Có một người phụ nữ thường vào rừng kiếm củi, phải con hầu to bắt hiếp. Về nói với chồng, chồng ăn mặc giả làm đàn bà giặt sắn con dao sắc vào rừng, con hầu quen thói lại ra, bị ông kia chém chết bỏ thầy ở đây. Sáng mai ra xem thì mối đã đùn đất lấp hết, thành một gò mả. Bà kia từ đó thụ thai, đủ tháng sinh ra Mạc Đĩnh Chi, mặt mũi xấu xí, người nhỏ loắt choắt tự như giống hầu” [7, tr. 60-68]. Motif người giao phối với vật như con hầu, con giao long, con rai cá, con rắn nước... để sinh ra con quý, có tài năng hơn người khá phổ biến trong các truyền thuyết dân gian ở các tỉnh thuộc vùng đồng bằng Bắc Bộ. Tuy nhiên, motif này không thấy xuất hiện trong truyền thuyết dân gian vùng ĐBSCL nói chung, truyền thuyết về danh nhân văn hóa nói riêng.

Nguyên nhân của sự khác biệt này được giải thích bằng vấn đề thời gian xuất hiện và lưu hành của truyền thuyết dân gian. Nếu như truyền thuyết về Mạc Đĩnh Chi mà chúng tôi vừa nêu ở trên được kể và lưu hành rộng rãi trong dân gian từ thời nhà Trần (Thế kỷ thứ XIII - XV) thì những truyền thuyết danh nhân văn hóa ở vùng ĐBSCL chủ yếu được ra đời và lưu hành trong khoảng thời gian từ cuối thế kỷ XVII cho đến những năm đầu thế kỷ XX. Với sự ra đời muộn hơn và lưu hành trong một bối cảnh xã hội đã có nhiều thay đổi theo hướng hiện đại hoá, truyền thuyết danh nhân văn hóa ở vùng ĐBSCL tất yếu sẽ chịu sự chi phối của vấn đề thời gian. Bởi lẽ so với lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc thì thời điểm người Việt sinh sống và định cư ở vùng ĐBSCL là khá muộn so với các vùng miền khác trong cả nước. Điều này tất yếu sẽ có những tác động đến đặc điểm của các thể loại văn học dân gian nói chung, truyền thuyết nói riêng, đúng như nhận định của tác giả Nguyễn Phương Thảo: “Truyện dân gian Nam Bộ của người Việt sẽ có đặc trưng ít tình tiết, nhiều truyện chưa ổn định, nói cách khác là sự bồi tụ, lắng đọng các lớp văn hóa trong một tác phẩm truyện dân gian không nhiều. Đặc trưng này không chỉ diễn ra ở một khu vực nào của truyện

dân gian mà diễn ra ở cả hai cấp độ: thể loại và tác phẩm” [11, tr. 85-86]. Chính do sự “bồi tụ” về thời gian cũng như sự “lắng đọng” của các lớp văn hóa chưa nhiều nên những truyền thuyết danh nhân văn hóa ở vùng ĐBSCL nói riêng, thể loại truyền thuyết dân gian vùng ĐBSCL nói chung còn vắng bóng những yếu tố thần kỳ trong cấu tạo cốt truyện của các tác phẩm.

Ở *lớp truyện thứ hai*, truyền thuyết danh nhân văn hóa vùng ĐBSCL tập trung kể về sự nghiệp, hành trạng, tài năng của nhân vật. Đa số các nhân vật đều được nhân dân tập trung ca ngợi về những đóng góp cụ thể để tạo ra những giá trị văn hóa vật chất, giá trị văn hóa tinh thần gắn bó với đời sống của nhân dân vùng sông nước hoặc hội nhập vào đời sống văn minh của thời đại. Chẳng hạn như nhân vật Lưu Văn Lang có khả năng sửa chữa, khắc phục những điểm hạn chế của những cây cầu bắc ngang qua sông, rạch ở vùng ĐBSCL, Bà Tư Có là người nghĩ ra nghề đánh cá tại Vàm Láng, xã Kiểng Phước, tỉnh Gò Công; nhạc sư Nguyễn Quang Đại là người đầu tiên mở lớp dạy đàn tại Long An, ông chính là người tạo dựng nên một thế hệ những nghệ nhân tài năng như các danh cầm Ba Tư, Chín Phàn, Năm Giai, Út Hinh; Mai Văn Ngọc thông minh, học giỏi chữ Hán lừng lẫy từ Bắc đến Nam, tự học tiếng Pháp, viết văn bằng tiếng Pháp giỏi đến mức một cử nhân văn chương người Pháp không dễ gì vượt qua được...

Khảo sát lớp truyện thứ hai của tiểu loại truyền thuyết về danh nhân văn hóa ở vùng ĐBSCL, chúng tôi nhận thấy lớp truyện thứ hai này có nhiều điểm tương đồng so với một số truyền thuyết ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Chẳng hạn như khảo sát lớp truyện thứ hai của truyền thuyết *Mạc Đĩnh Chi* trong cuốn sách *Nam Hải dị nhân*, tác giả dân gian tập trung kể về sự thông minh, nhanh trí, tài ứng đối của Mạc Đĩnh Chi đối với người Tàu trong lần đi sứ nhà Nguyên: “Một khi Hoàng hậu ở Tàu mất, vua Tàu sai ông Mạc Đĩnh Chi vào đọc tế văn. Đến lúc quỳ xuống cầm bản văn đọc thì chỉ thấy một tờ giấy trắng có bốn chữ *nhất* mà thôi. Đĩnh Chi không nghĩ ngợi gì, đọc ngay rằng: “Thanh thiên nhất đoán vân, hồng lô nhất điểm tuyết, ngọc uyển nhất cho hoa. Dao Trì nhất phiến nguyệt. Y! Vân tán, tuyết tiêu, hoa

tàn, nguyệt khuyết” (Dịch: Trời xanh một đám mây, lô hồng một điểm tuyết, vườn ngọc một cành hoa, cung Dao Trì một mảnh trăng. Ói, mây tan, tuyết tan, hoa tàn, trăng khuyết) [7, tr. 67-68]. Bài văn ấy sau này còn được chép vào sử Tàu. Người Tàu ai cũng chịu Mạc Đĩnh Chi có tài ứng biến nhanh.

Ở đây có sự xuất hiện của motif đối đáp thông minh được mô phỏng từ những giai thoại đi sứ của các danh nhân văn hóa đất Việt. Vai trò và chức năng của motif này là nhằm ca ngợi trí tuệ, tài năng của danh nhân. Tương tự, trong truyền thuyết *Ông Cử Nguyễn Văn Thạnh* vốn được lưu hành rộng rãi ở vùng ĐBSCL, tác giả dân gian cũng kể về sự đối đáp thông minh của ông cử Thạnh đối với Trần Bá Thọ (Thọ là con trai của tên tay sai ác ôn Trần Bá Lộc): “Một hôm, Trần Bá Thọ đang ngồi học với cụ, nhìn hình dạng cụ móm móm, ba chòm râu phất phơ, miệng phì phà thuốc, Thọ buột miệng nói:

- Xin thầy cho phép tôi ra một câu đối để thầy đối thử xem.

Nghe học trò mình ăn nói như thế, vụt cười lật:

- Được, cứ đọc đi!

Thọ đọc: *Râu ba chòm lém đém, miệng hút thuốc phì phà.*

Học trò trêu chọc thầy đến thế nhỉ. Cụ đối lại theo dáng ông Thọ xói đầu, tay hay cầm gậy: *Tóc ít sợi le the, tay cầm cây ngút ngất.*

Thọ cười xoà, lại đọc một câu khác cố ý khoe khoang:

Phụ tử tử hiếu sanh con thế ấy mới là vàng.

Cụ Thạnh được dịp bằng vàng để lợi dụng chữ nghĩa mà chửi phừng sâu mọt:

Tham phú phụ bần, đụ mẹ thằng nào ở bạc.

Đối chan chát, lời lẽ chua cay rất mực, Họ Trần đành ghen hợm”.

(Truyền thuyết *Ông Cử Nguyễn Văn Thạnh*, Định Tường xưa, trang 117-118).

Ở đây ngoài việc đề cao tài ứng đối nhanh, thông minh, sắc sảo của nhân vật Nguyễn Văn Thạnh, tác giả dân gian còn muốn ca ngợi và đề cao sự cương trực, khảng khái của nhân vật Nguyễn Văn Thạnh trước gia đình tên Trần Bá Lộc - một tên tay sai ác ôn khét tiếng ở vùng ĐBSCL thời kỳ chống Pháp.

Như vậy, bên cạnh các nhà nho có khí tiết đã được nhiều sử sách đề cao như cụ Nguyễn

Đình Chiểu, Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân, Bùi Hữu Nghĩa, Phan Văn Trị... ở vùng đồng bằng Nam bộ này còn có một ông cử Nguyễn Văn Thạnh, cư ngụ tại làng Trà Tân, xã Lợi Mỹ, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang thông minh, tài trí, khảng khái, cương trực đã được nhân dân khảng định, ngợi ca và lưu truyền qua nhiều thế hệ bằng tác phẩm truyền thuyết dân gian.

Một đặc điểm nội dung mang tính tương đồng giữa truyền thuyết dân gian vùng ĐBSCL so với một số truyền thuyết danh nhân văn hóa người Việt được sưu tầm ở một số tỉnh thuộc Bắc bộ đó là trong nội dung của mỗi truyền thuyết dân gian vùng ĐBSCL, tác giả dân gian luôn tự hào về sự thông minh, sáng tạo vốn có của người Việt. Chẳng hạn như trong *Truyền thuyết về Bà Tư Có*, tác giả dân gian một mặt tập trung ca ngợi công lao sáng lập ra nghề chài lưới của bà Tư Có, mặt khác, *truyền thuyết về Bà Tư Có* còn chú ý kể và ngợi ca sự thông minh, sáng tạo của người Việt ở vùng ĐBSCL: “Người Việt ở Vàm Láng chú ý canh tân, phát triển nghề đánh cá ở Gò Công: Người Việt ở Gò Công đóng đáy cả hai con nước: nước lớn và nước ròng, trong khi người Tàu chỉ đóng một con nước lớn”. Qua cách so sánh này, tác giả dân gian muốn khẳng định sự thông minh, sáng tạo vượt trội của người Việt so với người Tàu lúc bấy giờ.

Hay là trong trong *Truyền thuyết về cụ Lưu Văn Lang và những điều tiên đoán thần tình*, tác giả dân gian cũng đã khẳng định, ca ngợi và tôn vinh trí tuệ, tài năng của cụ Lưu Văn Lang, người ở Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp: “Có lần kỹ sư Pháp bắc một cây cầu ở miệt Khánh Hội xong, xe chạy rung rinh, sửa cách này cách khác cũng không hết, buộc lòng phải mời ông đến xem sao. Lúc bấy giờ, bác vật Lưu Văn Lang mới đến quan sát. Xem xét xong, ông mới đứng trông coi cho các nhân viên kỹ thuật làm thêm những cây kiềng treo trên cầu để treo cây cầu lên giữ cho được thăng bằng. Quả nhiên, các nhân viên công chánh ráp thêm kiềng bên trên xong thì cây cầu rất vững. Xe lớn từ đó về sau chạy hết rung rinh, làm cho người Pháp hết sức kính phục và không dám yếm tài của cụ nữa” (*Cụ Lưu Văn Lang và những điều tiên đoán thần tình*).

Nhìn chung, lớp truyện thứ hai của tiểu loại

truyền thuyết danh nhân văn hóa đã tập trung kể về sự nghiệp, hành trạng, tài năng của nhân vật vốn được nhân dân xem như là những danh nhân văn hóa của mỗi tỉnh, mỗi vùng. Họ kể về tài năng, sự nghiệp của những nhân vật này bằng tất cả niềm tự hào, ngưỡng mộ của nhân dân dành cho các danh nhân. Đặc biệt, khi ca ngợi các nhân vật được coi là danh nhân của tỉnh, của khu vực ĐBSCL, tác giả dân gian đã không có sự phân biệt quốc tịch, nguồn gốc xuất thân của nhân vật. Vì thế trong tiểu loại truyền thuyết nhân vật 2C ở vùng ĐBSCL có cả người Hoa (*Truyền thuyết Bà Tư Có*), có người Việt, có người xuất thân từ tầng lớp quan lại quyền thế dưới triều nhà Nguyễn (*Truyện về bà Từ Dũ*), có người không rõ nguồn gốc xuất thân (*Truyền thuyết về cử nhân Nguyễn Văn Thạnh, Truyện về Mai Văn Ngọc*). Đây là một đặc điểm nội dung mang tính đặc trưng của truyền thuyết danh nhân văn hóa ở vùng ĐBSCL. Đặc điểm nội dung này đã thể hiện tinh thần rộng mở, phóng khoáng, dễ hoà đồng, dễ thân thiện, tinh thần đoàn kết, giao lưu gắn bó giữa các dân tộc Việt - Hoa trên vùng đất mới phía Tây Nam của Tổ quốc. Nét tính cách mang tính đặc trưng ấy của con người vùng đồng bằng sông nước được thể hiện khá đậm nét trong hệ thống truyền thuyết dân gian ở vùng ĐBSCL.

Đặc điểm *lớp truyện thứ ba* của truyền thuyết TL2C kể về phần kết của các nhân vật (đối với những truyền thuyết có đầy đủ ba lớp truyện): Nhân vật mất đi, được nhân dân biết ơn, xây lăng mộ hoặc lập miếu thờ phượng và tôn vinh các nhân vật là nhân tài của địa phương. Chẳng hạn như đoạn kết trong truyền thuyết *Bà Tư Có* ở vùng ĐBSCL được kể như sau: “Sau này khi bà Tư Có mất đi, nhân dân Vàm Láng, Gò Công đã lập miếu thờ ở bờ sông Cần Lộc. Miếu hình ngũ giác, lợp thiếc sơn trắng, trong có bàn thờ và bài vị Bà Tư Có có công sáng lập làng chài lưới tại Vàm Láng, Gò Công, tỉnh Tiền Giang”.

Nhìn chung, lớp truyện thứ ba của tiểu loại truyền thuyết 2C không có nhiều điểm khác biệt so với các truyền thuyết ở các vùng miền khác trong cả nước.

Chẳng hạn như ở lớp truyện thứ ba trong truyền thuyết *Truyện Nguyễn Bình Khiêm*, tác giả dân gian kể rằng: “Khi ngài mất rồi, người làng

nhớ ơn đức của ngài lập miếu ở nơi nhà cũ của ngài, bốn mùa cúng tế. Miếu ấy đến bây giờ vẫn còn” [7, tr. 79].

Trong phần kết của truyền thuyết nhân vật TL2C không thấy xuất hiện motif hoá thân hoặc motif hiển linh âm phù như trong nhóm truyền thuyết về nhân vật anh hùng chống giặc ngoại xâm.

Nhìn chung, trong các truyền thuyết về danh nhân văn hóa ở vùng ĐBSCL không thấy xuất hiện các motif như sinh nở thần kỳ, motif hiển linh, âm phù như một số truyền thuyết dân gian cùng loại ở một số vùng miền khác trong cả nước. Tuy nhiên, cảm hứng tôn vinh, ca ngợi các nhân vật được coi là các danh nhân văn hóa ở vùng ĐBSCL vẫn được thể hiện khá đậm nét trong các truyền thuyết dân gian TL2C. Bởi vì “Tôn vinh những giá trị của dân tộc - lịch sử phải được coi là một tiêu chí để nhận diện truyền thuyết dân gian Việt Nam”[2, tr. 62].

4. Kết luận

Cảm hứng chủ đạo trong các truyền thuyết về danh nhân văn hóa vùng ĐBSCL là ca ngợi và tôn vinh những giá trị của cộng đồng trong lịch sử. Truyền thuyết TL2C vùng ĐBSCL tồn tại với nhiều dạng cấu tạo cốt truyện khác nhau. Tồn tại ở dạng cốt truyện có đủ 3 phần hoàn chỉnh và tồn tại ở cấp độ chi tiết (mẫu chuyện). Trong cốt truyện của các tác phẩm truyền thuyết TL2C vùng ĐBSCL không thấy có sự xuất hiện của motif nhân vật “sinh nở thần kỳ”, motif nhân vật “hiển linh”, motif “hóa thân”. Nhìn chung, các yếu tố thần kỳ ít tham gia vào cốt truyện. Trong khi đó, motif sự thụ thai và sinh nở thần kỳ, motif hiển linh, motif hóa thân được xuất hiện khá phổ biến trong các truyền thuyết về danh nhân văn hóa ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Đây là đặc điểm mang tính đặc trưng của tiểu loại truyền thuyết về danh nhân văn hóa vùng ĐBSCL so với các truyền thuyết dân gian ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Điều này được lí giải bởi sự “bồi tụ” về thời gian cũng như sự “lãng động” của các lớp văn hóa chưa nhiều nên hệ thống truyền thuyết về danh nhân văn hóa ở vùng ĐBSCL nói riêng, thể loại truyền thuyết dân gian vùng ĐBSCL nói chung còn vắng bóng những yếu tố thần kỳ trong các tác phẩm.

Từ việc phân tích và chỉ ra những đặc điểm cấu tạo cốt truyện và việc tổ chức các yếu tố tự sự của truyền thuyết TL2C, chúng tôi đã xác định mối quan hệ chặt chẽ giữa truyền thuyết dân gian với các yếu tố lịch sử - địa lý - văn hóa - xã hội của vùng ĐBSCL. Trong mối quan hệ này, các yếu tố lịch sử - địa lý - văn hóa - xã hội đóng vai trò làm cơ sở, nền tảng cho việc hình thành đặc trưng truyền thuyết TL2C vùng ĐBSCL. Tuy nhiên, truyền thuyết là một thể loại văn học dân gian nên nó không phải là sự soi chiếu giản đơn các vấn đề của lịch sử - xã hội, truyền thuyết có một “cuộc đời” riêng, có những “lối đi” riêng so với chính sử. Bởi vì, truyền thuyết không chỉ bao gồm trong nó một cốt lõi lịch sử mà nó còn có cả sự hư cấu, chứa đựng cả những quan điểm, tình cảm, ước mơ, lý tưởng của quần chúng nhân dân trước các vấn đề của lịch sử - xã hội, trước các nhân vật có vai trò ảnh hưởng đối với tập thể quần chúng nhân dân. Từ đó, công trình đã khẳng định rõ hơn vị trí, vai trò, tầm ảnh hưởng của một số nhân vật là danh nhân văn hóa vùng ĐBSCL mà trước đó chính sử chưa đề cập đến.

Việc nghiên cứu, tìm hiểu *Đặc trưng truyền thuyết về danh nhân văn hóa vùng ĐBSCL* góp phần khẳng định giá trị, vị trí của văn học dân gian vùng ĐBSCL trong kho tàng văn học dân tộc và trong nền văn hóa Việt Nam nói chung. Nếu xem thể loại truyền thuyết của người Việt như một bức tranh nhỏ trong nền văn học dân gian của dân tộc thì kết quả nghiên cứu của công trình này sẽ góp phần bổ sung thêm những đường nét và những mảng màu cần thiết nhằm góp phần hoàn thiện bức tranh ấy.

Với những đặc điểm mang tính đặc trưng này, chúng tôi nhận thấy truyền thuyết của người Việt đã có nhiều biến đổi khi được sáng tác và lưu truyền từ vùng ngoài vào vùng ĐBSCL và có những đặc trưng riêng so với truyền thuyết dân gian ở các vùng miền khác trong cả nước, đặc biệt là so với vùng đồng bằng Bắc Bộ. Những nét đặc trưng này một mặt là do tác động bởi các yếu tố về lịch sử - địa lý - văn hóa - xã hội và mặt khác, do tính độc đáo trong sáng tác nghệ thuật của tác giả dân gian ở mỗi vùng miền của Việt Nam./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Trần Thị An (1999), “Những biểu tượng không gian thiêng trong truyền thuyết dân gian người Việt”, *Những vấn đề lý luận và lịch sử văn học*, Viện Văn học, tr. 732-759.
- [2]. Trần Thị An (2000), *Đặc trưng thể loại và việc văn bản hóa truyền thuyết dân gian Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Văn học, Viện Văn học, Hà Nội.
- [3]. Phan An (1994), *Các vấn đề dân tộc tôn giáo ở miền Nam*, NXB TP. Hồ Chí Minh.
- [4]. Đào Duy Anh (2005), *Đất nước Việt Nam qua các đời*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [5]. Chiêng Xom An (1992), “Bàn thêm về thể loại truyền thuyết”, *Tạp chí Văn hóa dân gian*, (số 2/1992), tr. 32-40.
- [6]. Lại Nguyên Ân (2003), *150 thuật ngữ văn học*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [7]. Phan Kế Bính (2001), *Nam Hải dị nhân*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
- [8]. A. S. Hornby (2010), *Oxford Advanced Learners Dictionary*, Oxford University press.
- [9]. Nguyễn Thị Nguyệt (2000), *Khảo sát và so sánh một số type và motif truyện cổ dân gian Việt Nam - Nhật Bản*, Luận án tiến sĩ Ngữ văn.
- [10]. Hoàng Phê (1988), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [11]. Nguyễn Phương Thảo (1994), *Văn học dân gian Nam Bộ - những phác thảo*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

**LEGENDARY FEATURES IN GREAT MEN OF CULTURE
IN THE MEKONG DELTA****Summary**

This paper aims to discuss features of the plot and narrations in legends depicting great men of culture in the Mekong Delta. The concerned features have been identified by comparing and contrasting them with those of the same type in the Red River Delta.

Keywords: legend, great men of culture, Mekong Delta.